

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

..........

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

Địa chỉ: ĐƯỜNG NGUYỄN XIÊN – VĨNH HẢI - NHA TRANG

Điện thoại: (84.58) 3831182 – 3831613 - 3831610

Fax: (84.58) 3831957 - 3831610

Tháng 05 năm 2013 (Chỉnh sửa lần 5)

MỤC LỤC

Phần mở đầu

Điều 1: Giải thích các từ ngữ trong Điều lệ

Chương I: Những quy định chung

Điều 2: Tên và biểu tượng của công ty

Điều 3: Trụ sở giao dịch chính của Công ty

Điều 4: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động

Điều 5: Hình thức và tư cách pháp lý

Điều 6: Nguyên tắc hoạt động và cơ cấu tổ chức của công ty

Điều 7: Tổ chức Đảng và Tổ chức Chính trị Xã hội

Chương II: Quyền và nghĩa vụ của Công ty

Điều 8: Quyền của Công ty

Điều 9: Nghĩa vụ của Công ty

Chương III: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, cổ đông

Điều 10: Vốn điều lệ

Điều 11: Tăng giảm vốn điều lệ

Điều 12: Cổ phần

Điều 13: Các loại cổ phần

Điều 14: Cổ phiếu

Điều 15: Chào bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần

Điều 16: Mua lại cổ phần .

Điều 17: Trái phiếu

Điều 18: Cổ đông

Điều 19: Quyền của cổ đông phổ thông

Điều 20: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

Điều 21: Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ phần ưu đãi cổ tức

Chương IV: Đại hội đồng cổ đông

Điều 22: Đại hội đồng cổ đông

Điều 23: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 25: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 26: Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Điều 27: Biểu quyết

Điều 28: Điều kiện thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Điều 29: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 30: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 31: Đại diện theo ủy quyền

Chương V: Quản lý và kiểm soát công ty

Điều 32: Cơ cấu quản lý và kiểm soát công ty

Điều 33: Hội đồng quản trị

Điều 34: Tiêu chuẩn ứng cử thành viên HĐQT

Điều 35: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

Điều 36: Quyền hạn và trách nhiệm của chủ tịch và thành viên HĐQT

Điều 37: Hoạt động của HĐQT

Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

Điều 39: Bộ máy điều hành Công ty

Điều 40: Giám đốc

Điều 41: Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

Điều 42: Từ nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc

Điều 43: Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty

Điều 44: Phạm vi các hợp đồng kinh tế phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

Điều 45: Ban kiểm soát

Điều 46: Miễn nhiệm, bãi nhiệm ban kiểm soát.

Điều 47: Cung cấp thông tin cho ban kiểm soát

Điều 48: Những vấn đề khác liên quan đến ban Kiểm soát

Điều 49: Trường hợp bế tắc giữa thành viên HĐQT với các Cổ đông

Điều 50: Giải quyết tranh chấp nội bộ

Chương VI : Chế độ tài chính kế toán và phân phối lợi nhuận

Điều 51: Chế độ Kế toán, kiểm toán

Điều 52: Phân phối lợi nhuận và lập quỹ

Điều 53: Cổ tức

Điều 54: Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

Chương VII: Các chế độ về lao động và quyền lợi của người lao động

Điều 55: Chế độ – quyền lợi của người lao động

Điều 56: Nghĩa vụ của người lao động

Chương VIII: Giải thể, phá sản

Điều 57: Giải thể và phá sản

Điều 58: Thanh lý

Chương IX: Ủy quyền, ủy nhiệm, quản lý, sử dụng con dấu

Điều 59: Ủy quyền, ủy nhiệm

Điều 60: Quản lý và sử dụng con dấu

Chương X: Điều khoản cuối cùng và các quy định khác

Điều 61: Khen thưởng và xử lý vi phạm

Điều 62: Thông báo

Điều 63: Sửa đổi điều lệ

Điều 64: Đăng ký điều lệ

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

Điều lệ này căn cứ vào:

- *Luật Doanh nghiệp của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.*

Chúng tôi, những cổ đông đại diện cho các pháp nhân và thể nhân mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đông Á, đã nhất trí thông qua nội dung CHỈNH SỬA ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 225/NQĐHĐCĐ-ĐA ngày 17 tháng 05 năm 2013. Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Á cùng nhau cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều 1: Giải thích các từ ngữ trong Điều lệ

Trong điều lệ này, các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong luật doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này; trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1. “**Công ty Cổ phần Đông Á**” dưới đây gọi tắt là “**Công ty**”
2. “**Địa bàn kinh doanh**” là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài
3. “**Vốn điều lệ**” là vốn của tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại điều 10 của Điều lệ này.
4. “**Luật doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.
5. “**Ngày thành lập**” là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu.
6. “**Cán bộ quản lý**” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định quản lý và điều hành công ty.
7. “**Cổ đông**” là mọi thể nhân hay pháp nhân sở hữu cổ phần của Công ty.
8. “**Giám đốc**” trong Điều lệ này có thể được hiểu là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc điều hành.
9. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại điều 4.17 Luật doanh nghiệp.

Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG I **NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 2: Tên & Biểu tượng của Công ty

- Công ty có tên gọi đầy đủ là: **Công ty Cổ phần Đông Á**
- Tên viết tắt là: **DOPACK .Co.**
- Tên giao dịch đối ngoại: **DONG A JOINT STOCK COMPANY**
- Biểu tượng:



Điều 3: Trụ sở giao dịch chính của Công ty

Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Á

Trụ sở giao dịch chính của Công ty: Đường Nguyễn Xiển, Phường Vĩnh Hải – Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: (84 – 058) 3831610, 3831613, 3834348, 3831182, 3836033, 3837554

Fax: (84 - 058) 3831610, 3831957

Email: dopack@khatoco.com

Công ty có các xưởng sản xuất đặt tại:

- Đường Nguyễn Xiển – Phường Vĩnh Hải – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Việc thay đổi trụ sở chính của Công ty đến một địa điểm khác phải do Hội đồng quản trị quyết định, và phải đăng ký với cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Ngoài trụ sở chính, nếu cần thiết phục vụ cho mục đích kinh doanh, Công ty có thể lập thêm chi nhánh, văn phòng đại diện sau khi được Hội đồng quản trị thông qua và Chính quyền sở tại đồng ý.

Điều 4: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động

1. Mục tiêu:

Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, nguồn lao động và uy tín của các sáng lập viên, các cổ đông để tối đa hoá các nguồn lợi nhuận của Công ty, nhằm tăng lợi tức cho các cổ đông, trên cơ sở chấp hành pháp luật và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

2. Ngành nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động

a) Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất giấy các loại
- Sản xuất bao bì các loại
- In bao bì, tem nhãn và ấn phẩm các loại
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Kinh doanh xuất nhập khẩu giấy và nguyên liệu giấy, bao bì

b) Phạm vi hoạt động: Toàn lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài được phép.

Công ty có thể thay đổi phạm vi và ngành nghề sản xuất kinh doanh nếu không thuộc điều cấm của Nhà nước và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

Điều 5: Hình thức và Tư cách pháp lý

1. Công ty cổ phần Đông Á là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty được tổ chức và

Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Á
hoạt động theo qui định của pháp luật, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp quy có liên quan.

2. Công ty cổ phần Đông Á có vốn thuộc sở hữu của các cổ đông.
3. Công ty là một tổ chức kinh tế độc lập, có đầy đủ tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính, được sử dụng quyền sử dụng đất đai của Nhà nước (nếu có), có tài khoản, con dấu riêng. Công ty có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm hữu hạn về tài chính đối với các khoản nợ, khoản phải trả trong phạm vi vốn điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị là bộ máy quản lý cao nhất của Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 6: Nguyên tắc hoạt động và cơ cấu tổ chức của Công ty

1. Nguyên tắc hoạt động:
 - a) Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
 - b) Các cổ đông cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận và cùng chịu các khoản lỗ (nếu có). Cùng chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ về tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cơ cấu tổ chức
 - a) Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Bộ máy điều hành quản lý và Ban kiểm soát.
 - b) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty.
 - c) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.
 - d) Điều hành hoạt động của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 7: Tổ chức Đảng và tổ chức Chính trị Xã hội

1. Các tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng theo chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG II **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

Điều 8: Quyền Công ty

1. Chủ động lựa chọn ngành nghề kinh doanh và địa bàn, hình thức đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh theo khả năng của Công ty, nhu cầu của thị trường.
2. Toàn quyền định đoạt, quyết định việc sử dụng, mua bán, thế chấp,...tài sản thuộc sở hữu của Công ty nhằm mục đích sinh lợi cho Công ty trong phạm vi pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tự chủ về tài chính, lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn, tự chủ việc sử dụng vốn và quyết định sử dụng phần thu nhập còn lại.
4. Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty; riêng các tài sản là đất đai, tài nguyên do Nhà nước giao theo quy định của pháp luật để hoạt động kinh doanh thì chỉ có quyền quản lý và sử dụng.
5. Công ty được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp khác từ tài sản của Công ty và được thay đổi cơ cấu tài sản để phát triển kinh doanh. Công ty chỉ chịu trách nhiệm dân sự trong phạm vi tài sản của Công ty.
6. Công ty được quyền chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật doanh nghiệp. Được thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp luật.
7. Được quyền tuyển dụng, thuê mướn, bố trí và sử dụng lao động, thử việc hoặc cho nghỉ việc theo yêu cầu sản xuất kinh doanh và theo qui định của Bộ Luật lao động.
8. Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, đơn giá tiền lương, chi trả và quyết định lương cho người lao động theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động.
9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp nguồn lực cho bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào nếu không được pháp luật quy định trừ những đóng góp tự nguyện vì mục đích nhân đạo và công ích.
10. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước quản lý quy định khung giá.
11. Sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ hiện hành về quản lý ngoại hối.
12. Được vay tín dụng của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước để phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển. Được vay và cho vay các nguồn vốn vì mục đích phát triển sản xuất kinh doanh theo Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty.
13. Được chủ động trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đã đăng ký. Được quyền ký kết hợp đồng với các đơn vị trong và ngoài nước. Được liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước theo luật định.

Điều 9: Nghĩa vụ của Công ty

Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Á

1. Kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký trong Giấy Phép Đăng Ký Kinh Doanh. Đảm bảo chất lượng hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn đã đăng ký.
2. Tuân thủ các chế độ hạch toán, kế toán thống kê, các nghĩa vụ về thuế, và các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.
3. Chấp hành các qui định về chế độ tuyển dụng, thuê mướn, sử dụng và quản lý lao động. Đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động theo qui định của Bộ luật lao động. Tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn theo Luật công đoàn.
4. Tuân thủ các qui định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường ...

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG

Điều 10: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 16.800.000.000 đồng Việt Nam (*Mười sáu tỷ, tám trăm triệu đồng*) do các cổ đông đóng góp dưới hình thức mua cổ phần. Vốn điều lệ góp bằng tiền Việt Nam đồng.
2. Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi cổ đông hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về nguồn vốn đóng góp của mình.
3. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động sau:
 - a) Đầu tư trang thiết bị và các công cụ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - b) Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - c) Góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác.
 - d) Mua cổ phần, trái phiếu của các đơn vị kinh tế khác.
 - e) Các dự trữ cần thiết về động sản và bất động sản.

Không sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, ngoại trừ quy định tại *Điều 11.4 a* và *Điều 16*.

Điều 11: Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty có thể được điều chỉnh theo sát tình hình của từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng yêu cầu kinh doanh và bảo đảm quyền lợi của các cổ đông.

Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Á

2. Việc tăng, giảm vốn điều lệ dưới 30% do Hội đồng quản trị quyết định, nếu từ 30% trở lên phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Tăng vốn: Công ty có thể tăng vốn theo các hình thức sau:

- a) Gợi thêm vốn cổ phần bằng cách phát hành thêm cổ phiếu;
- b) Bổ sung vốn khi sản xuất kinh doanh có lãi.

4. Giảm vốn: Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp:

a) Hoàn trả một phần vốn góp cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn của họ trong vốn điều lệ của Công ty trong trường hợp thu hẹp quy mô sản xuất của Công ty hoặc tổ chức lại Công ty. Việc hoàn trả cho cổ đông vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;

b) Trường hợp khác theo luật phá sản doanh nghiệp.

Điều 12 : Cổ phần

1. Vốn điều lệ được chia làm 1.680.000 cổ phần phổ thông.

2. Giá trị một cổ phần (mệnh giá) là 10.000 đồng Việt Nam.

3. Cơ cấu sở hữu cổ phần như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (ĐVN)	Tỷ lệ
Tổng Công ty Khánh Việt	487.200	4.872.000.000	29%
Cổ đông khác	1.192.800	11.928.000.000	71%

4. Vốn của Nhà nước tham gia thông qua pháp nhân Tổng Công ty Khánh Việt có 487.200 cổ phần, với giá trị 4.872.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 29% vốn điều lệ.

Điều 13: Các loại cổ phần

Công ty được phép phát hành các loại chứng khoán khác nhau khi Đại Hội Đồng cổ đông thông qua và phải phù hợp với pháp luật.

Khi mới thành lập Công ty chỉ phát hành cổ phần phổ thông. Tùy theo tình hình thực tế ở mỗi thời điểm huy động, Công ty có thể phát hành Cổ phần ưu đãi cổ tức.

1. Cổ phần phổ thông:

- Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
- Tất cả cổ phần phổ thông đều có giá trị về quyền lợi và nghĩa vụ như nhau.
- Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi cổ tức.

2. Cổ phần ưu đãi cổ tức: Khi có nhu cầu, Công ty sẽ phát hành cổ phần ưu đãi cổ tức.

- Người được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Người sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức gọi là cổ đông ưu đãi.

- Cổ phần ưu đãi cổ tức có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên cổ đông.

2. Cổ đông của Công ty được quyền nhận một hoặc một số cổ phiếu cho tất cả cổ phần của mình.

3. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính. Mọi cổ phiếu của Công ty phát hành đều phải ghi rõ, đầy đủ nội dung quy định tại Điều 85 Luật Doanh nghiệp.

4. Công ty phát hành 1 loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

5. Nếu cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông sở hữu số cổ phiếu đó phải thông báo cho Công ty biết bằng văn bản trong thời gian sớm nhất, và có quyền yêu cầu Công ty cấp cổ phiếu mới để thay thế sau khi được Công an xác nhận hoặc cam đoan: Đã tiến hành tìm kiếm hết mức, nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để hủy và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những tranh chấp phát sinh từ cổ phiếu đã cáo mất. Cổ đông phải trả phí tổn cho việc cấp cổ phiếu mới do Công ty qui định.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 15: Chào bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần

1. Mua bán, chuyển nhượng:

- Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán, giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ của cổ phần tại thời điểm gần nhất.

- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ thì được thực hiện theo luật doanh nghiệp.

- Các cổ phần được chuyển nhượng tự do, việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hiện hành.

- Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Thừa kế cổ phiếu

a) Công ty luôn tôn trọng quyền sở hữu cổ phiếu. Nếu cổ đông của Công ty qua đời thì Công ty cổ phần tôn trọng quyền thừa kế cổ phần hợp pháp theo luật thừa kế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì phải cử một đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền có xác nhận của công chứng Nhà nước. Công ty cổ phần không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.

b) Khi được quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp và đã được ghi vào sổ cổ đông của Công ty, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

Điều 16: Mua lại Cổ phần

a) Công ty mua lại cổ phần của Cổ đông theo yêu cầu của cổ đông và theo quyết định của Công ty.

b) Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

- Cổ đông không đồng ý quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty, có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được ghi bằng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại, giá dự tính bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu này phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định các vấn đề nói ở điều này.

- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông tại khoản b điều này trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Giá mua tương ứng với giá thị trường tại thời điểm mua lại hoặc giá thỏa thuận của 2 bên.

Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó tự do bán cổ phần cho người khác theo luật Chứng khoán .

- Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán.

- HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời gian 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời gian thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Á

- Cổ đông phải gọi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

- Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại (nếu có).

d) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại mục b điều này nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

e) Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại mục b điều này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

f) Sau khi thanh toán hết cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty sẽ thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 17: Trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị quyết định việc phát hành trái phiếu Công ty, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, lãi suất phát hành.

Điều 18: Cổ đông

1. Cổ đông là những thể nhân hoặc pháp nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

2. Cổ đông đại diện cho một nhóm cổ đông phải có biên bản của nhóm cổ đông đó đồng ý và phải ủy quyền toàn bộ quyền của cổ đông cho người đại diện. Mọi quyết định của cổ đông đại diện được xem như quyết định của nhóm cổ đông đó.

Điều 19: Quyền của cổ đông phổ thông

Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ.

1. Cổ đông phổ thông có quyền:

- Cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông và được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

- Nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày nhóm cổ đông đưa ra yêu cầu bằng văn bản.

- Cổ đông được nhận cổ tức. Trong trường hợp vắng mặt phải có giấy ủy quyền hoặc văn tự thừa kế hợp pháp;
 - Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong Công ty, hoặc tỷ lệ cao hơn nếu có cổ đông khác không mua;
 - Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ;
 - Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, có quyền:
- Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông phổ thông có quyền tự do mua thêm hoặc bán cổ phần của mình theo luật chứng khoán.
4. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo *Điều 16 khoản b* của Điều lệ này.
5. Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 20: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua, chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
3. Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21: Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức

1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền:
 - a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại khoản 1 điều này;

Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Á

b) Khi Công ty giải thể, được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết cho chủ nợ;

c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức *không* có quyền biểu quyết, không có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, không có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

CHƯƠNG IV

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

d) Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;

f) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

h) Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; điều chỉnh tăng giảm vốn trên 30% vốn điều lệ như quy định tại *Điều 11* của Điều lệ này.

i) Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của Công ty theo quy định tại *Điều 16* của Điều lệ này.

j) Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 23: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một lần.
2. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp:
 - a) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.
 - c) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền hạn và nhiệm vụ của người quản lý quy định tại *Điều 35* của Điều lệ này, Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm b khoản 2 điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu theo quy định tại điểm b khoản 2 điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở đi lại.
3. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 24: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên danh sách chốt cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập căn cứ trên thông báo của tổ chức phát hành. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải hoàn tất trước ngày khai mạc đại hội ít nhất mười ngày.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND đối với cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời, chương trình, nội dung và các tài liệu thảo luận trong cuộc họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày trước ngày khai mạc.

2. Cổ đông được dự họp có quyền kiến nghị sửa đổi chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, kiến nghị phải lập thành văn bản gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày trước khi khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng cổ phần, nội dung kiến nghị.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 điều này nếu:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26: Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày (ba mươi ngày), kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp quy định tại khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này.

Điều 27: Biểu quyết

1. Việc thực hiện biểu quyết tại Đại hội được thực hiện trên nguyên tắc công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Trừ những vấn đề không quan trọng, chủ tọa có thể lấy ý kiến của Đại hội bằng hình thức công khai “Giơ tay”, nếu không có sự phản đối của bất kỳ cổ đông nào.

2. Trong những trường hợp cấp bách cần thiết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản mà không nhất thiết phải triệu tập Đại hội:

a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

b. Thông qua định hướng phát triển Công ty

- c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán
- d. Bầu, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm
- g. Tổ chức lại, giải thể Công ty

Kết quả văn bản trả lời của các cổ đông là kết quả biểu quyết của vấn đề đã được đưa ra.

3. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội, khi biểu quyết được tính số phiếu bằng số cổ phần mà họ sở hữu.

a) Cổ đông vắng mặt có thể ủy quyền cử người đại diện bằng văn bản có chữ ký và văn bản phải được gửi cho Hội đồng quản trị trước khi khai mạc Đại hội 3 ngày (ba ngày). Cổ đông đại diện cho nhóm cổ đông không được ủy quyền cho cổ đông khác, nếu vắng mặt thì nhóm cổ đông đó phải cử đại diện khác cho nhóm cổ đông của mình.

b) Văn bản chỉ định người đại diện phải do người ủy quyền hoặc người thừa ủy quyền hợp pháp của người ủy nhiệm ký. Nếu bên ủy quyền là một đơn vị kinh tế khác, văn bản phải do thủ trưởng, người thừa ủy của thủ trưởng hoặc là người được công nhận là đại diện hợp pháp của đơn vị kinh tế đó ký tên và đóng dấu chính thức.

c) Người ký giấy ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng thông báo gửi thẳng cho Hội đồng quản trị ngay trước khi khai mạc Đại hội.

Điều 28: Điều kiện thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp khi biểu quyết có số phiếu bằng nhau thì chủ tọa bỏ lá phiếu thứ hai để quyết định. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hoặc bất đồng ý kiến.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

c) Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại Hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 29: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Chương trình làm việc.
- c) Chủ tọa và thư ký.
- d) Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.
- e) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu trống và phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.
- f) Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
- h) Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 30: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày (90 ngày), kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 31: Đại diện theo ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của Công ty, người đại diện không thể là cổ đông hoặc thành viên của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế có mặt hàng cạnh tranh với Công ty. Người đại diện phải hội đủ các điều kiện sau:

- Đủ quyền công dân và năng lực pháp lý.

- Không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không có tiền án, tiền sự; có ý thức chấp hành pháp luật.

- Trong trường hợp người đại diện không phải là Cán bộ công nhân viên Công ty thì phải có mối quan hệ trong gia đình là: Cha, mẹ, vợ, hoặc chồng, anh chị em ruột hoặc người thừa kế hợp pháp với cổ đông.

2. Việc cử đại diện phải thực hiện bằng văn bản và được Hội đồng quản trị chấp nhận, văn bản này nhằm xác nhận quyền hạn của người đại diện khi người này dựa vào lập trường của mình để bỏ phiếu lựa chọn các quyết định của các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Đại hội đồng cổ đông. Sự ủy quyền có thể thực hiện từng lần, hoặc ủy quyền thường xuyên.

3. Văn bản chỉ định người đại diện phải do người có quyền hợp pháp ký. Nếu bên có quyền là một cá nhân hoặc một tập thể không có tư cách pháp nhân ủy quyền cho người không phải là CB CNV Công ty thì sự ủy quyền đó phải có xác nhận của cơ quan công chứng.

4. Người ký giấy ủy quyền có thể thay đổi hoặc thu hồi sự ủy quyền bằng thông báo gửi trực tiếp đến Hội đồng quản trị, có hiệu lực tức thời trước khi Hội đồng quản trị xét duyệt tư cách cổ đông.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 32: Cơ cấu quản lý và kiểm soát Công ty

Cơ quan quản lý gồm:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra.

2. Giám đốc Công ty: là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm Giám đốc hoặc Giám đốc Công ty có thể được thuê.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam; Trường hợp vắng mặt trên 30 ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Điều 33: Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị sẽ không ít hơn 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và các ủy viên.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Hội đồng quản trị bầu một người trong số thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp bỏ phiếu kín. Khi họp Hội đồng quản trị để bầu hoặc bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có đủ các thành viên trong Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có mặt dự họp có một phiếu biểu quyết.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị được đề cử phó chủ tịch Hội đồng quản trị và phải được trên 50% thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

6. Hội đồng quản trị khi hành xử công việc của mình phải chấp hành theo Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ năm năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất 1/3 số thành viên phải được bầu lại để mang tính kế thừa và ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập không điều hành trong bộ máy quản lý của Công ty để bảo đảm khách quan trong công việc điều hành.

8. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

9. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 34: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Là cổ đông hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân, được đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng giới thiệu.
- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp.
- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của ngành.

2. Thành viên HĐQT không được là thành viên quản lý doanh nghiệp khác có mặt hàng cạnh tranh với công ty hoặc là cổ đông của các công ty khác có mặt hàng cạnh tranh với công ty. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành công ty.

Điều 35: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
4. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác (trừ các loại hợp đồng mua hoặc bán tài sản theo điều 22, khoản 2, mục h quy định tại Điều lệ này) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trừ trường hợp qui định tại Điều 45 của Điều lệ này.
6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng,... của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.
7. Phê duyệt báo cáo quyết toán tài chính hàng năm và báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông.
8. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
9. Quyết định giá chào bán cổ phần và phát hành trái phiếu của Công ty nhưng không quá quy định tại khoản 5 Điều này, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
10. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
11. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại trong mỗi 12 tháng.
12. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
13. Giám sát, chỉ đạo giám đốc hoặc tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.

14. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác

14. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 36: Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp. Triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác.
- d) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
- f) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được thay mặt Hội đồng quản trị để ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và quyết định một số vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước pháp luật trên các quyết định đã ký.

2. Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên trong Hội đồng quản trị của Công ty được Đại hội đồng cổ đông giao phó nhiều quyền hạn rộng rãi vì vậy mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải tự chịu trách nhiệm cùng tập thể Hội đồng quản trị ở mức cao nhất tương ứng với các nhiệm vụ sau:

- a) Quản lý và giám sát điều hành hoạt động Công ty, của Giám đốc với tinh thần trách nhiệm cao.
- b) Gắn bó, quan tâm đến mọi hoạt động của Công ty.
- c) Hành xử các quyền hạn được giao phó với tư cách là thành viên của Hội đồng quản trị theo Điều lệ để đạt được các mục đích mà Công ty đề ra.
- d) Không được lợi dụng chức vụ và quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân về tài chính và có hành động làm thiệt hại đến lợi ích của Công ty. Không được chiếm đoạt các cơ hội kinh doanh của Công ty.
- e) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị cũng được hoàn lại các chi phí hợp lý để trang trải các chi phí họp Hội đồng quản trị, hoặc phục vụ cho lợi ích của Công ty.

f) Không được hành động vượt quá quyền hạn qui định tại Điều lệ này.

Điều 37: Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và làm chủ tọa, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, có thể ủy quyền cho Phó chủ tịch bằng văn bản gửi đến trước phiên họp.

2. Hội đồng quản trị họp 1 quý 1 lần.

3. Khi cần thiết Hội đồng quản trị có thể họp bất thường để giải quyết các công việc đột xuất của Công ty do yêu cầu của: Ban kiểm soát hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác hoặc ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị. Các yêu cầu phải lập thành văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị trong vòng 15 ngày. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có mặt từ 3/4 tổng số thành viên trở lên tham dự.

5. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Nếu số phiếu của 02 bên bằng nhau thì bên nào có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là quyết định cuối cùng.

6. Các tài liệu phục vụ cho phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Hội đồng quản trị trước 03 ngày (trừ cuộc họp bất thường).

7. Nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

8. Hội đồng quản trị được quyền sử dụng ít nhất một chuyên viên hoạt động chuyên trách để giúp việc cho các thành viên của Hội đồng quản trị, mọi chi phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Bị chết, mất tích, hạn chế năng lực hành vi dân sự.

b) Bị truy cứu trước pháp luật.

c) Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân, hoặc cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.

d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị.

e) Bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

f) Các trường hợp khác mà luật pháp cấm không cho giữ chức thành viên Hội đồng quản trị.

g) Từ chức

Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức, hoặc pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức vụ Chủ tịch, phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị của Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiên bị miễn nhiệm thì theo qui định Phó chủ tịch Hội đồng quản trị lên thay. Sau đó Hội đồng quản trị bầu Phó chủ tịch mới.

Nếu Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị cùng đương nhiên bị miễn nhiệm thì Hội đồng quản trị bầu tạm Chủ tịch thay thế để đảm đương công việc cho đến khi có Chủ tịch mới được bầu. Thời gian thay thế tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày được bầu thay thế.

Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên qui định tại Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Điều 39: Bộ máy điều hành Công ty

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý và điều hành sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị

1. Bộ máy điều hành Công ty gồm :

- Giám đốc là người có quyền điều hành cao nhất trong Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty và thi hành các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Giúp việc cho Giám đốc có các phó Giám đốc được Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và cùng chịu trách nhiệm liên đới với Giám đốc trước Hội đồng quản trị về các phần việc được phân công và ủy nhiệm. Số lượng và quyết định chức danh Phó giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, Giám đốc được đề cử Phó giám đốc.

- Các trưởng, Phó phòng Ban nghiệp vụ và Trưởng các đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong quản lý điều hành công việc và do Giám đốc quyết định nhưng được Hội đồng quản trị thông qua.

2. Lương và phụ cấp Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị ấn định theo quy chế lao động tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt trong Công ty.

Điều 40: Giám đốc

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc. Giám đốc là người thay mặt Công ty điều hành mọi hoạt động và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Giám đốc thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Giám đốc từ một người trong số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị bổ nhiệm cổ đông ngoài Hội đồng quản trị hoặc bổ nhiệm Giám đốc thuê ngoài thì phải có ủy quyền các quyền hạn cần thiết để thi hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Nhiệm kỳ của giám đốc là 5 năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

d) Tiêu chuẩn của Giám đốc điều hành:

- Có trình độ từ Đại học trở lên.
- Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
- Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị nào hoặc điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý theo quy định của luật doanh nghiệp.

Điều 41: Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trừ trường hợp qui định tại Điều 44 của Điều lệ này.

10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

11. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn hoặc những biến động lớn trong Công ty. Nếu Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì vẫn được dự họp mà không được quyền biểu quyết.

12. Trong trường hợp đặc biệt (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn), Giám đốc được đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình, nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

13. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

14. Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty, trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát.

Điều 42: Từ nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc

1. Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị họp và xem xét quyết định. Khi chưa có quyết định chính thức của Hội đồng quản trị thì Giám đốc chưa được từ nhiệm.

2. Giám đốc đương nhiên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Chết, mất tích, mất quyền công dân.
- Hội đồng quản trị quyết định bãi nhiệm.
- Không đủ năng lực hành vi dân sự.
- Bị truy tố trách nhiệm hình sự, bị phạt tù, hay bị toà án tước quyền hành nghề...

Trong các trường hợp Giám đốc đương nhiên bị bãi nhiệm như trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên Hội đồng quản trị tạm kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc cho đến khi bổ nhiệm Giám đốc mới. Trong thời gian 90 ngày, Hội đồng quản trị phải cử người có đủ điều kiện theo qui định của Điều lệ Công ty để tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

3. Hội đồng quản trị ra quyết định miễn nhiệm khi Giám đốc không đủ khả năng để hoàn thành nhiệm vụ, hoặc vi phạm nghiêm trọng các qui định của Điều lệ Công ty.

4. Ngoài các trường hợp nêu ở mục 1, 2, 3 của Điều này, Hội đồng quản trị vẫn có thể bãi nhiệm Giám đốc trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn hợp đồng thuê Giám đốc (nếu là Giám đốc thuê ngoài) hoặc khi không còn nhu cầu thuê.
- Bãi nhiệm Giám đốc để sắp xếp, tổ chức lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới của sản xuất kinh doanh. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải lấy phiếu tín nhiệm của các cổ đông. Mỗi cổ đông là thể nhân hay đại diện pháp nhân là một phiếu tín nhiệm. Nếu số phiếu tín nhiệm của các cổ đông thấp hơn 70% thì Hội đồng quản trị mới xem xét việc bãi nhiệm.

Điều 43: Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty:

Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty, trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực nhất, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty.
- b) Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn để giao dịch mua bán, vay, cho vay ... mà làm thiệt hại cho Công ty. Không sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được sự đồng ý của Hội đồng quản trị.
- c) Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài sản khác đến hạn phải trả thì:
 - Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết.
 - Không được tăng lương, trả thưởng cho công nhân viên của Công ty kể cả cho người quản lý.
 - Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ qui định tại các điểm a, b khoản này.
 - Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
- d) Các nghĩa vụ khác do Pháp luật và Điều lệ Công ty qui định.

Điều 44: Phạm vi các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ chỉ được ký kết theo các qui định sau đây:

- a. Đối với các hợp đồng mua bán, dịch vụ có giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

b. Đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

Điều 45: Ban Kiểm Soát.

1. Ban kiểm soát là những người thay mặt cho các Cổ đông để kiểm soát toàn bộ các hoạt động của Công ty.

2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam, có ít nhất 3 thành viên và không nhiều hơn 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, trong đó phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

- Thành viên ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - + Là cổ đông hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân, được đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng giới thiệu
 - + Có trình độ từ cao đẳng trở lên.
 - + Có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý.
 - + Có đủ năng lực, hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp.
 - + Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Giám Đốc hoặc Tổng Giám Đốc và người quản lý khác.
- Thành viên ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty và không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của HĐQT, thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong khi thực hiện các nhiệm vụ được giao. Kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

b) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này.

c) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

d) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

e) Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Để phục vụ cho công tác kiểm soát trong những trường hợp cụ thể, ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Việc kiểm tra quy định tại các điểm a và b khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

6. Từ chức

Người muốn xin thôi chức kiểm soát viên, cổ đông muốn thay thế người đại diện hoặc người được ủy quyền đại diện của mình đang giữ chức vụ kiểm soát viên kiểm soát viên phải gửi đơn đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 46: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Thành viên ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 điều 46 của điều lệ này.
 - Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - Có đơn xin từ chức
 - Bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

2. Trường hợp ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình, có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét, miễn nhiệm ban kiểm soát đương nhiệm và bầu ban kiểm soát mới thay thế

Điều 47: Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát.

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

5. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.

Điều 48: Những vấn đề khác liên quan đến Ban kiểm soát

1. Chế độ làm việc và thù lao cho Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp khi thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của luật .

Điều 49: Trường hợp bế tắc giữa thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa án yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 50: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay đến quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa: - Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty – hoặc một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy quản lý thì các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài để giải quyết việc tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần kể từ quá trình hòa giải không đạt được thì bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra tòa án kinh tế hoặc trọng tài kinh tế. Khi đó mỗi bên tự chịu chi phí và chi phí tại tòa do tòa phán quyết.

CHƯƠNG VI **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ** **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 51: Chế độ Kế toán, Kiểm toán

1. Hệ thống Kế toán Công ty sử dụng là hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ tài chính chấp thuận.

2. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

3. Công ty phải chấp hành các chế độ kế toán và thống kê theo pháp lệnh kế toán và thống kê, Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước và các văn bản hiện hành về pháp lệnh kế toán, kiểm toán.

4. Đầu mỗi năm tiếp sau, trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo quyết toán tài Chính năm trước bao gồm

- a) Bảng cân đối kế toán.
- b) Báo cáo hoạt động sản xuất - kinh doanh.
- c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- d) Thuyết minh, giải trình Báo cáo tài chính.
- e) Báo cáo tổng hợp kiểm kê cuối niên độ.
- f) Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về các Báo cáo tài chính.
- g) Các báo cáo của Cơ quan kiểm toán độc lập (nếu cần).

5. Quyết toán năm phải được trình Hội đồng quản trị trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính và Hội đồng quản trị duyệt thông qua quyết toán sau 50 ngày kể từ ngày được trình. Quyết toán tài chính năm phải được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập.

6. Các báo cáo này phải được gửi đến thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 52: Phân phối lợi nhuận và lập quỹ

➤ Các quỹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế TNDN bao gồm theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Quỹ dự trữ bắt buộc: được trích từ 5% lợi nhuận sau thuế, nếu mức trích cao hơn phải do Đại hội đồng Cổ đông quy định. Quỹ dự trữ của Công ty có thể được dùng để duy trì tài sản của Công ty, để bổ sung vốn điều lệ hoặc dự trữ các rủi ro tài chính cho năm tài chính sau. Quỹ này dự trữ cho đến mức 10% vốn điều lệ.

2. Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: từ 10% - 15% lợi nhuận sau thuế.

3. Quỹ khen thưởng phúc lợi: từ 5% - 10% lợi nhuận sau thuế.

4. - Cổ tức sẽ do HĐQT đề xuất, trình ĐHĐCĐ quyết định;

- Tỷ lệ (%) trích lập các quỹ sau lợi nhuận được phân phối có thể thay đổi theo kiến nghị của HĐQT và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

5. Các quỹ khác theo chế độ hiện hành quy định và do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

➤ Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận:

1. Quỹ khấu hao tài sản cố định.

2. Quỹ khấu hao sửa chữa lớn.

3. Các quỹ khác theo qui định của pháp luật.

Điều 53: Cổ tức

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế của Công ty như Điều 52.4. Việc chi trả cổ tức không làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Trừ trường hợp có quy định khác khi phát hành cổ phiếu, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

4. Cổ tức hay các khoản liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả sẽ trả bằng đồng Việt Nam. Hình thức trả có thể bằng tiền mặt, bằng séc, hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh do đăng ký sai hoặc thay đổi địa chỉ mà không thông báo thì cổ đông đó phải chịu.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu, trái phiếu của Công ty) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

Điều 54: Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

➤ Trong trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể giải quyết theo một trong hai phương án sau:

1. Trích từ quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ.
2. Chuyển một phần lỗ sang năm sau.

Đồng thời Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông lý do lỗ, biện pháp xử lý khắc phục. Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp có hiệu quả trong khuôn khổ của pháp luật.

➤ Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài, sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét các biện pháp xử lý theo Luật phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG VII **CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA** **NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Điều 55: Chế Độ - Quyền Lợi của người lao động

1. Người lao động được nhận tiền lương, các khoản thưởng do Công ty quyết định trên cơ sở theo hợp đồng lao động và kết quả công việc cụ thể của từng người.
2. Mức thu nhập của người lao động được đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu do pháp luật qui định.
3. Hội đồng quản trị quyết định và ban hành các định mức KTKT, định mức tiền lương, định mức lao động, tài chính của Công ty.
4. Giám đốc Công ty quyết định tuyển dụng lao động hoặc sa thải người lao động, khen thưởng, kỷ luật ... theo đúng Bộ luật lao động quy định. Giám đốc Công ty quyết định trả tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở định mức được Hội đồng quản trị phê duyệt và theo chế độ quy định hiện hành.

Điều 56: Nghĩa vụ của người lao động

Người lao động phải chấp hành đầy đủ và nghiêm túc mọi Qui định và Nội qui Công ty, Điều lệ này, Bộ luật lao động và các quy định pháp luật khác của Nhà nước.

CHƯƠNG VIII **GIẢI THỂ, PHÁ SẢN**

Điều 57: Giải thể và Phá sản

Công ty sẽ bị giải thể, hoặc phá sản trong các trường hợp sau:

1. Hoạt động kinh doanh của Công ty không hiệu quả, Công ty bị thua lỗ $\frac{1}{2}$ vốn điều lệ, gặp khó khăn không thể vượt qua và Đại hội đồng cổ đông nhất trí giải thể hoặc phá sản.
2. Khi có phán quyết của Cơ quan có thẩm quyền tuyên bố Công ty bị phá sản, đình chỉ hoạt động của Công ty vĩnh viễn, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Trong các trường hợp khác, khi có yêu cầu của nhóm cổ đông đại diện cho $\frac{2}{3}$ vốn điều lệ. Hội đồng quản trị có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định.

Thủ tục giải thể, phá sản Công ty được tiến hành theo luật Doanh nghiệp, Luật phá sản, hoặc các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 58: Thanh lý

Khi Công ty có quyết định giải thể. Đại hội đồng cổ đông cử ban thanh lý thay cho Hội đồng quản trị, các thành viên cùng với ban kiểm soát theo thời gian qui định cũng như các thể lệ tài chính hiện hành.

Nguồn tài chính của Công ty sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, thanh toán các khoản nợ sẽ được chia cho các cổ đông theo tỉ lệ vốn của họ.

CHƯƠNG IX **ỦY QUYỀN – ỦY NHIỆM – QUẢN LÝ – SỬ DỤNG CON DẤU**

Điều 59: Ủy quyền – Ủy nhiệm

1. Giám đốc điều hành công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm (bằng văn bản) cho thành viên trong Ban Giám đốc hoặc một số người khác trong Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thực hiện một số công việc trong Công ty. Giám đốc điều hành phải chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền hay ủy nhiệm này.
2. Giám đốc điều hành không được ủy quyền cho người khác những quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho Giám đốc.
3. Những người được Giám đốc điều hành ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc điều hành và pháp luật về những công việc mình làm.

4. Mọi ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản theo qui định của Nhà nước.

5. Các trưởng phòng, ban trong Công ty có thể ủy nhiệm, ủy quyền cho các nhân viên cấp dưới của mình làm một số công việc nhưng tuyệt đối không được ủy quyền sử dụng con dấu của Công ty.

6. Giám đốc điều hành và kế toán trưởng là những người chịu trách nhiệm pháp luật về các chứng từ chi của Công ty về sự hợp pháp, hợp lý và hợp lệ.

Điều 60: Quản lý và sử dụng con dấu

1. Con dấu của Công ty được đóng trên các cổ phiếu, các chứng từ tài chính, các văn bản gửi cho các cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị sản xuất kinh doanh khác có quan hệ với Công ty.

2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm giữ gìn an toàn con dấu của Công ty. không được đóng dấu trên bất kỳ văn bản nào nếu không có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc ủy quyền.

3. Mọi văn bản, chứng từ có đóng dấu nhưng không có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người được ủy quyền đều không có giá trị pháp lý mà chỉ có giá trị tham khảo.

CHƯƠNG X **ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUI ĐỊNH KHÁC**

Điều 61: Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tập thể, cá nhân trong doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty thì sẽ được khen thưởng theo nội qui và qui định của Công ty.

2. Các cổ đông, CBCNV trong Công ty vi phạm nội qui, qui chế, Điều lệ Công ty, căn cứ vào mức độ vi phạm gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thì sẽ có mức kỷ luật thích hợp và không trái với Bộ luật lao động.

Điều 62: Thông báo

1. Mọi thông báo hoặc tài liệu khác được phát hành và chuyển cho cổ đông sẽ do Công ty gửi trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ do cổ đông đăng ký. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty biết khi thay đổi địa chỉ chính của mình.

2. Thông báo gửi qua bưu điện được xem là tổng đạt đến địa chỉ đăng ký của cổ đông một tuần lễ sau ngày gửi. Khi chứng minh sự tổng đạt này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng Bản thông báo đã gửi thư bảo đảm qua chứng thư của Bưu điện theo đúng địa chỉ đăng ký.

3. Các thông báo khác mà pháp luật qui định sẽ được tiến hành theo luật định.

Điều 63: Sửa đổi Điều lệ

1. Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu có những điều khoản nào trong Điều lệ này không còn phù hợp với tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Sau đó đăng ký bản Điều lệ đã sửa đổi với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .

Điều 64: Đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ này bao gồm 10 chương và 64 Điều khoản.

2. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới được thông qua việc sửa đổi, bổ sung các Điều khoản thuộc Điều lệ này.

3. Điều lệ này được lập thành 04 bản chính có giá trị như nhau:

- Một bản (01) lưu tại Phòng công chứng Khánh Hòa
- Một bản (01) lưu tại Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa
- Hai bản (02) lưu tại Văn phòng Công ty
- Các bản còn lại:

❖ Các trích sao và toàn sao của bản Điều lệ này phải do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký mới có giá trị.

Nha trang, ngày 17 tháng 05 năm 2013

Chủ tịch HĐQT

(Đã ký)

LÊ TIẾN ANH